

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2024/NQ-HĐND NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 2024 CỦA HĐND TỈNH QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành theo công văn số/SKHCN-QL ngàytháng năm 2026)

Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Thuyết minh
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, gồm: nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo khoản 1 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN). 2. Đối tượng áp dụng Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan quản lý,	- Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung và mở rộng phạm vi điều chỉnh theo hướng thống nhất với quy định mới của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bổ sung thêm nhiệm vụ "Đổi mới sáng tạo", bao quát đầy đủ các nội dung quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

một số điều của Luật Khoa học và công nghệ. 2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan quản lý, cơ quan phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	- Căn cứ vào Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
Không quy định	Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 1. Các định mức xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa áp dụng cho một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước. 2. Các nội dung và định mức chi khác để thực hiện quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và các quy định hiện hành của nhà nước. Trong trường hợp các định mức chi đã có văn bản chuyên ngành quy định thì ưu tiên áp dụng các định mức chi quy định tại văn bản đó.	Để đảm bảo tính linh hoạt và tuân thủ các quy định tài chính mới nhất tại Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. Quy định rõ các định mức tại Nghị quyết là định mức tối đa để làm căn cứ lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước, đảm bảo tính phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương. Ưu tiên áp dụng văn bản chuyên ngành (nếu có).
Nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (tại Điều	Điều 3. Một số nội dung chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	- Thay thế và bổ sung: Chi tiết hóa các nội dung chi theo Điều 3 Thông tư số

2):	Một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu được áp dụng theo Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.	38/2025/TT-BKHCN. - Bổ sung nội dung chi cho việc tìm kiếm nhiệm vụ, đo lường hiệu quả tác động của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST). - Bổ sung các loại hình Hội đồng mới như: Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ ĐMST, Hội đồng hỗ trợ lãi suất vay, Hội đồng công nhận doanh nghiệp KH&CN, Trung tâm ĐMST cấp tỉnh.... Điều này giúp tạo cơ sở pháp lý để tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo.
Khoản 1 Điều 2: 1. Định mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ a) Đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 32 triệu đồng/người/tháng; b) Đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: 16 triệu đồng/người/tháng; c) Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, định mức chi thù lao như sau: Thành viên chính bằng 0,8 lần; thành viên bằng 0,4 lần; thư ký khoa học bằng 0,3 lần; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ bằng 0,2 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại các	Không quy định	

điểm a, b khoản 1 Điều này. Mức chi cụ thể theo quy định tại Điều 5 Thông tư số <u>02/2023/TT-BKHCN</u> ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.		
- Về thuê chuyên gia: + Khoản 2 Điều 2: 2. Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bằng 80% mức lương quy định tại Thông tư số <u>02/2015/TT-BLĐTBXH</u> ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bằng 50% mức thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. + Mục 4 khoản 1 Điều 3: Chi thù	Điều 5. Thuê chuyên gia tư vấn độc lập trong nước và tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 1. Tiêu chí xác định chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập trong nước và tổ chức tư vấn độc lập được thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. 2. Dự toán thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập được thực hiện theo Điều 8 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. + Mục 5 điểm a khoản 1 Điều 4: Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia: 1.500.000 đồng	Cụ thể hóa Điều 7, Điều 8 của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN để đảm bảo tính khách quan và chất lượng tư vấn. - Thay đổi theo thực tế công lao động và mức lương tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV. - Mở rộng phạm vi thuê chuyên gia không chỉ để nghiên cứu khoa học và công nghệ như trước mà còn để thẩm định, giám định công nghệ và đánh giá hiệu quả đổi mới sáng tạo.

lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng: 1.200.000 đồng.		
Điểm b khoản 3 Điều 2: Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học:	Khoản 5 Điều 4: “5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”.	Đề xuất định mức chi bằng 100% mức chi tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.
Người chủ trì: 1.600.000 đồng/buổi	Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.000.000 đồng/buổi;	
Thư ký: 400.000 đồng/buổi	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 700.000 đồng/buổi;	
Báo cáo được trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.400.000 đồng	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 5.000.000 đồng/báo cáo;	
Báo cáo không trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 1.200.000 đồng	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 3.000.000 đồng/báo cáo	
Thành viên tham gia: 300.000	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn,	

đồng/buổi	tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi	
Khoản 4 Điều 2: Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số <u>28/2017/NQ-HĐND</u> ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.	Điểm a khoản 8 Điều 4: “a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh”.	Giữ nguyên như Nghị quyết 05/2024/NQ-HĐND; Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND đang còn hiệu lực thi hành.
Về định mức chi hoạt động cho các Hội đồng:		
Mục 1 điểm a khoản 1 Điều 3: Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Không quy định	
Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Không quy định	
Chủ tịch hội đồng: 1.200.000 đồng	Không quy định	
Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng: 800.000 đồng	Không quy định	
Thư ký khoa học: 240.000 đồng	Không quy định	
Thư ký hành chính: 240.000 đồng	Không quy định	
Đại biểu được mời tham dự: 160.000 đồng	Không quy định	
Chi nhận xét đánh giá:	Không quy định	

Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng: 400.000 đồng	Không quy định	
Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng: 560.000 đồng	Không quy định	
Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện:	Không quy định	
Chủ tịch hội đồng: 560.000 đồng	Không quy định	
Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng: 400.000 đồng	Không quy định	
Mục 2, điểm a, khoản 1 Điều 3: Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Không quy định	
Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Không quy định	
Chủ tịch Hội đồng: 1.440.000 đồng	Không quy định	
Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng: 1.200.000 đồng	Không quy định	
Thư ký khoa học: 240.000 đồng	Không quy định	
Thư ký hành chính: 240.000 đồng	Không quy định	
Đại biểu được mời tham dự:	Không quy định	

160.000 đồng		
Chi nhận xét đánh giá	Không quy định	
Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng: 560.000 đồng	Không quy định	
Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng: 800.000 đồng	Không quy định	
Mục 3 điểm a khoản 1 Điều 3: Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Không quy định	
Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Không quy định	
Chủ tịch hội đồng: 1.440.000 đồng	Không quy định	
Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng: 1.200.000 đồng	Không quy định	
Thư ký khoa học: 240.000 đồng	Không quy định	
Thư ký hành chính: 240.000 đồng	Không quy định	
Đại biểu được mời tham dự: 160.000 đồng	Không quy định	
Chi nhận xét đánh giá	Không quy định	
Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng: 560.000 đồng	Không quy định	
Nhận xét đánh giá của ủy viên phản	Không quy định	

biện trong Hội đồng: 800.000 đồng		
Khoản 2, Điều 3: Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Điểm a khoản 2 Điều 4: Chi tiền thù lao	Định mức chi áp dụng theo điểm a, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Tổ trưởng tổ thẩm định: 800.000 đồng	Tổ trưởng tổ thẩm định: 1.000.000 đồng	
Thành viên tổ thẩm định: 560.000 đồng	Thành viên tổ thẩm định: 700.000 đồng	
Thư ký hành chính: 240.000 đồng	Thư ký hành chính: 300.000 đồng	
Đại biểu được mời tham dự: 160.000 đồng	Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng	
Không quy định	Điểm b khoản 2 Điều 4: Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật	Áp dụng theo điểm b khoản 2 điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Mục 1 điểm a Khoản 1 Điều 4: Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ	

	tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển	
Không quy định	Chi họp Hội đồng:	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục a mục 1 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng	
Không quy định	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng: 1.500.000 đồng	
Không quy định	Thư ký khoa học: 300.000 đồng	
Không quy định	Thư ký hành chính: 300.000 đồng	
Không quy định	Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng	
Không quy định	Chi nhận xét đánh giá:	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục b mục 1 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng: 700.000 đồng	

Không quy định	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện: 1.000.000 đồng	
Không quy định	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện:	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục c mục 1 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Chủ tịch Hội đồng: 700.000 đồng	
Không quy định	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng: 500.000 đồng	
Không quy định	Mục 2 điểm a Khoản 1 Điều 4: Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo	
Không quy định	Chi hợp Hội đồng:	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục a mục 2 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Chủ tịch Hội đồng: 1.500.000 đồng	
Không quy định	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng: 1.000.000 đồng	

Không quy định	Thư ký khoa học: 300.000 đồng	
Không quy định	Thư ký hành chính: 300.000 đồng	
Không quy định	Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng	
Không quy định	Chi nhận xét đánh giá:	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục b mục 2 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng: 500.000 đồng	
Không quy định	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện: 700.000 đồng	
Không quy định	Mục 3 điểm a khoản 1 Điều 4: Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	
Không quy định	Chi họp Hội đồng:	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục a mục 3 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng	

Không quy định	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng: 1.500.000 đồng	
Không quy định	Thư ký khoa học: 300.000 đồng	
Không quy định	Thư ký hành chính: 300.000 đồng	
Không quy định	Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng	
Không quy định	Chi nhận xét đánh giá: ĐVT:	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục b mục 3 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng: 700.000 đồng	
Không quy định	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện: 1.000.000 đồng	
Không quy định	Mục 4 điểm a khoản 1 Điều 4: Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược	
Không quy định	Chi họp Hội đồng:	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục a mục 4 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Chủ tịch Hội đồng; Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng; Thư ký khoa học; Thư ký hành	Theo Điều 3 Thông tư số 004/2025/TT-BNV, mức lương ngày công được xác định bằng mức lương tháng chia cho 26

	chính: Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu, tương ứng theo các mức chi/ngày công tối đa tương ứng với các mức lương của chuyên gia tư vấn sau: - Mức 1: 2.692.000 đồng - Mức 2: 2.115.000 đồng - Mức 3: 1.538.000 đồng - Mức 4: 1.154.000 đồng	ngày. Dưới đây là các mức chi tối đa cho một ngày công tương ứng với trình độ chuyên gia: <table><tr><th>Tiêu chuẩn chuyên gia (tóm tắt)</th><th>Mức lương tháng tối đa (VNĐ)</th><th>Mức chi/ngày công tối đa (VNĐ/ngày)</th></tr><tr><td>Mức 1:.</td><td>70.000.000</td><td>2.692.000</td></tr><tr><td>Mức 2.</td><td>55.000.000</td><td>2.115.000</td></tr><tr><td>Mức 3:</td><td>40.000.000</td><td>1.538.000</td></tr><tr><td>Mức 4:</td><td>30.000.000</td><td>1.154.000</td></tr></table>	Tiêu chuẩn chuyên gia (tóm tắt)	Mức lương tháng tối đa (VNĐ)	Mức chi/ngày công tối đa (VNĐ/ngày)	Mức 1:.	70.000.000	2.692.000	Mức 2.	55.000.000	2.115.000	Mức 3:	40.000.000	1.538.000	Mức 4:	30.000.000	1.154.000
Tiêu chuẩn chuyên gia (tóm tắt)	Mức lương tháng tối đa (VNĐ)	Mức chi/ngày công tối đa (VNĐ/ngày)															
Mức 1:.	70.000.000	2.692.000															
Mức 2.	55.000.000	2.115.000															
Mức 3:	40.000.000	1.538.000															
Mức 4:	30.000.000	1.154.000															
Không quy định	Chi nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng: 1.000.000 đồng.	- Định mức chi áp dụng theo tiêu mục b mục 4 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức chi tối đa theo khung quy định của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.															
Các nội dung chi khác																	
Không quy định	Điểm b khoản 1 Điều 4: Dự toán chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Nghị quyết này được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.	- Định mức chi áp dụng theo điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức là 100% theo mức tối đa tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN .															
Không quy định	Điểm c khoản 1 Điều 4: Các nội dung chi khác	Áp dụng theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-															

	(thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (nếu có).	BKHCN.
Không quy định	Khoản 3 Điều 4: Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.	Áp dụng theo quy định tại khoản 3 điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Điểm a khoản 4 Điều 3: Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 15/2027/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 nămw	Điểm a khoản 4 Điều 4: Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định theo quy định tại Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu và các quy định hiện hành	Định mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.

2027 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.		
Không quy định	Điểm b khoản 4 Điều 4: Dự toán Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này;	Áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Điểm c khoản 4 Điều 4: Dự toán Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.	- Định mức chi áp dụng theo điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức là 100% theo mức tối đa tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Không quy định	Khoản 6 Điều 4: Chi thù lao Ban Chủ nhiệm chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của UBND tỉnh (nếu có): Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng	- Định mức chi áp dụng theo điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. - Đề xuất mức là 100% theo mức tối đa tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

	ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.	
	Khoản 7 Điều 4: Các khoản chi cho đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật có liên quan được thực hiện theo khoản 7 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.	Định mức chi áp dụng theo khoản 5 Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.
Điều 4. Nguồn kinh phí 1. Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo phân cấp; 2. Các nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án khác của trung ương, tỉnh; 3. Nguồn thu được để lại theo quy định, nguồn tài trợ, nguồn ủng hộ (nếu có).	Điều 6. Nguồn kinh phí 1. Nguồn sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo phân cấp. 2. Các nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án khác của trung ương, tỉnh. 3. Nguồn thu được để lại theo quy định, nguồn tài trợ, nguồn ủng hộ (nếu có).	Giữ nguyên như Nghị quyết 05/2024/NQ-HĐND.
Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức	Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.	

triển khai thực hiện. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết	2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	
	Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì cơ quan có thẩm quyền được tiếp tục áp dụng nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ, tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ. 2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì cơ quan có thẩm quyền được tiếp tục áp dụng nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.	

	Điều 9. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị quyết này. 3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	
--	---	--